

Số: 17/2025/QĐST-DS

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147; khoản 5 Điều 211; khoản 1, khoản 2 Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST - DS ngày 24 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn Ruồng, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ruồng, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh).

* **Người đại D theo ủy quyền của ông Đ:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Thượng, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh).

* **Bị đơn:** Bà Ngô Thị L, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Dương Thị D, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn Ruồng, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Ruồng, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ: Bà Ngô Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

2.2. Về thời hạn thanh toán:

Đến ngày 28/10/2025 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/01/2026 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/4/2026 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/7/2026 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/10/2026 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/01/2027 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/4/2027 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/7/2027 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/10/2027 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/01/2028 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/4/2028 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/7/2028 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đến ngày 28/10/2028 bà Ngô Thị L phải trả ông Nguyễn Văn Đ, bà Dương Thị D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2.3. Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L thỏa thuận trong trường hợp bà L đến hạn trả nợ mà không trả được số tiền trên thì bà L phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với số tiền bà L chậm trả.

2.4. Về án phí: Bà Ngô Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Chi cục THADS khu vực 2- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vân